

BẢN ĐỊA HÓA TÔN GIÁO QUA NỘI LỰC TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CHĂM

Nguyễn Đức Toàn

Trưởng Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(Bài nhận ngày 24/04/1999)

TÓM TẮT : *Tín ngưỡng dân gian là tác nhân văn hóa nội sinh tiêu biểu nhất trong tiến trình bản địa hóa các tôn giáo (văn hóa ngoại sinh) truyền vào Champa : Bà La Môn giáo Ấn Độ được “Chăm hóa” thành đạo Bà Chăm, Hồi giáo dung hợp với tín ngưỡng dân gian thành đạo Bà Ni. Quy luật trên cho thấy văn hóa ngoại sinh được tiếp nhận và bản địa hóa trên nền tảng nội lực văn hóa truyền thống.*

“**N**ội sinh hoá” là một quy luật phổ biến trong giao lưu văn hóa ở các dân tộc. Tôn giáo là yếu tố văn hóa ngoại sinh đang khi truyền bá vào xã hội Chăm. Vì thế, khi thâm nhập vào cộng đồng người Chăm, tôn giáo đã được dân tộc Chăm “bản địa hóa” bằng những nhân tố nội sinh để trở thành các tôn giáo mang bản sắc Chăm đậm nét. Trong số những tác nhân giữ vai trò bản địa hóa các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian Chăm là một nhân tố chủ đạo quyết định những biến đổi về chất của các tôn giáo (yếu tố văn hóa ngoại sinh) trong quá trình du nhập vào xã hội người Chăm.

Địa lý sinh thái và địa lý nhân văn là những nhân tố quan trọng quyết định sự hình thành và bản chất của một nền văn hóa. Dân tộc Chăm vốn có mặt lâu đời tại khu vực Đông Nam Á là địa bàn chịu ảnh hưởng mạnh của nền văn hóa Nam Á, tín ngưỡng nguyên thủy là một điển hình với nhiều biểu hiện phong phú như : tín ngưỡng đa thần, tín ngưỡng phồn thực, các nghi lễ nông nghiệp..... Gắn liền với nền văn minh nông nghiệp lúa nước và chế độ

mẫu hệ. Các loại hình tín ngưỡng nguyên thủy đó vẫn được bảo lưu cho đến tận ngày nay trong hệ thống tín ngưỡng dân gian Chăm.

Xuất phát từ môi trường nhiệt đới gió mùa tiếp giáp biển, Văn Hóa Nam Á (Culture Austroasiatique) mang nét đặc trưng của một nền văn hóa nông nghiệp lúa nước (civilisation du riz) cộng với yếu tố văn minh biển (civilisation du maritime), là một nền văn hóa tổng hợp có tính chất mở. Ảnh hưởng của Văn Hóa Nam Á bao trùm trên một địa bàn rộng lớn từ sông Dương Tử đổ về phương nam, Phía Đông lan đến Nam Nhật Bản và Australie, phía Tây kéo dài đến Assam (đông bắc Ấn Độ) và Madagascar. Về cơ bản, Văn Hóa Nam Á mang đặc tính của một nền sản xuất nông nghiệp gắn liền với chế độ mẫu hệ qua các đặc trưng : trồng lúa nước, ở nhà sàn, định cư, tín ngưỡng đa thần, nhiều lễ nghi nông nghiệp.....những dấu ấn bản địa Văn Hóa Nam Á trong văn hóa Chăm biểu lộ qua các phong tục, tập quán, qua các sinh hoạt xã hội và nhất là qua tín ngưỡng dân gian.

Tín ngưỡng dân gian Chăm vốn bắt đầu từ nền văn hóa những nét đặc trưng của một nền sản xuất nông nghiệp lúa nước. Vì vậy, từ rất xa xưa, người Chăm đã có nhiều hình thức tín ngưỡng nguyên thủy liên quan đến nông nghiệp như : tín ngưỡng vật cổ (totemisme), tín ngưỡng đa thần (polythéisme), tín ngưỡng phồn thực (culte de fécondité), tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên (culte des ancêtres), các nghi lễ nông nghiệp (rites des agrais), các ma thuật (magie).....Tín ngưỡng dân gian của người Chăm hiện nay đã có sự kế thừa sâu sắc các hình thức tín ngưỡng nguyên thủy nói trên và được bảo lưu đầy đủ nhất trong cộng đồng người Chăm Bà La Môn. Sự tồn tại dai dẳng các hình thức tín ngưỡng cổ truyền có cội nguồn từ những hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm vai trò quan trọng trong đời sống của các cư dân người Chăm tại khu vực Ninh – Bình Thuận và được lưu giữ với các mức độ khác nhau tùy thuộc từng cộng đồng tôn giáo trong xã hội người Chăm. Với một nền tảng bản địa nêu trên, tín ngưỡng dân gian Chăm có một nội lực đủ mạnh để bản địa hóa các tôn giáo trong dòng văn hóa ngoại sinh từ bên ngoài truyền đến.

Tác động của các tôn giáo và các nền văn hóa khác qua giao lưu văn hóa (văn hóa ngoại sinh) đối với văn hóa Chăm được tiến hành bằng nhiều con đường qua nhiều thời kỳ phát triển của dân tộc Chăm. Từ khi vương quốc Champa (năm 1992) đến nay, có ba tôn giáo du nhập vào xã hội người Chăm, đó là Phật giáo (Boudhisme), Bà La Môn giáo (Brahmanisme) và Hồi giáo (Islam). Nền văn minh Ấn Độ được du nhập vào Champa qua Bà La Môn giáo và Phật giáo. Thông qua tín ngưỡng dân gian, Bà La Môn giáo được “Chăm hóa” với hệ quả là

cộng đồng người Chăm Bà La Môn đã được hình thành. Hồi giáo (Islam) khi xâm nhập vào cộng đồng người Chăm Bà Ni (Hồi giáo cũ) và cộng đồng người Chăm Islam (Hồi giáo mới). Đạo Bà Ni là hệ quả của những tương tác giữa tín ngưỡng dân gian Chăm và đạo Bà La Môn Chăm hóa với Hồi giáo trong đợt truyền bá đầu tiên (khoảng thế kỷ X) vào xã hội người Chăm. Song song với quá trình bản địa hóa, tín ngưỡng Chăm cũng chịu những tác động ngược chiều của các tôn giáo du nhập từ bên ngoài vào. Tùy thuộc vào tác động của từng tôn giáo mà tín ngưỡng dân gian Chăm trong mỗi cộng đồng tôn giáo ở người Chăm tồn tại ở những mức độ khác nhau.

Phật giáo đã có một thời kỳ phát triển tại vương quốc Champa, người ta đã tìm được nhiều dấu tích thờ Phật như các tượng Phật tại các tháp ở Đồng Dương, tượng Bồ Tát (Bodhisattva) bằng đồng tại Bình Định, hình Phật Quan Âm (tên đúng gọi là Quán Thế Âm Bồ Tát : Avalokitecvara) trên những miếng án bằng đất sét mỏng tại động Phong Nha (Quảng Bình), pho tượng Phật bằng đá tại Ninh Thuận..... Đặc biệt, nhiều di tích thiền viện được tìm thấy tại Đồng Dương (Indrapura) đã chứng tỏ Phật giáo Đại Thừa từng có một thời kỳ phát triển tại Champa trước đây. Các bi ký Champa cũng ghi rõ Phật Đại Thừa đã từng thịnh hành tại vương quốc này ư thế kỷ VIII đến thế kỷ X. Tuy nhiên, những ảnh hưởng của Phật giáo trong văn hóa Chăm cho đến nay cũng chưa được làm sáng tỏ nhưng chắc chắn rằng, với một thời kỳ phát triển lâu dài như vậy, Phật Giáo Đại Thừa hẳn đã để lại những ảnh hưởng nhất định trong nền văn hóa Chăm mà có lẽ thời gian đã xóa nhòa mọi dấu vết.

Bà La Môn giáo đã có mặt tại vương quốc cổ Chăm pa ngay từ khi nhà nước này mới hình thành (năm 192 sau Công nguyên). Bà La Môn giáo đã từng cọ xát với văn hóa Chăm trong suốt nhiều thế kỷ để cuối cùng bị Chăm hóa sâu sắc. Trong các hội lễ liên quan đến nông nghiệp, bên cạnh các thầy lễ dân gian như On Kadhar, On Duôn, Muk Pajâu.....còn có các thầy Paseh là các tu sĩ Bà La Môn giáo cùng tham gia cúng tế. Thần Mẹ xứ sở Po Nagar của người Chăm được đồng hóa với nữ thần Uma của Bà La Môn giáo trong danh hiệu Bhagavati. Sự hội nhập giữa văn hóa truyền thống Chăm với Bà La Môn giáo được tìm thấy trong thần thoại Chăm qua chi tiết nữ thần Po nagar “được sinh ra từ áng mây, bọt bể.....”. Vua Po Klaung Garai (1151 – 1205) đã hội nhập là một với thần Civa qua hình tượng Mukhlinga ¹. Còn vua Po Romé (1627 – 1651) thì hóa thân thành thần Civa trong pho tượng tám tay, trên sáu tay cầm các biểu tượng quen thuộc của thần Civa như chùy, ốc, đinh ba.....Như vậy, hình ảnh Civa của Bà La Môn giáo ở người Chăm đã trở nên phai mờ để nhường chỗ cho sự ngự trị của tục sùng bái các anh hùng dân tộc trong tín ngưỡng dân gian Chăm qua tục thờ cúng Nữ Thần Xứ Sở và tục sùng bái các anh hùng dân tộc trong tín ngưỡng dân gian Chăm đã bản địa hóa Bà La Môn giáo hoàn toàn vì người Chăm bà La Môn ngày nay chỉ biết đến các vị thần “quen thuộc” là Po Nagar, Po Klaung Garai và Po Romé mà chẳng mấy ai biết đến Uma với Civa vốn là những vị thần xa lạ đối với tín ngưỡng của người Chăm.

Nhờ có một nội lực mạnh qua tín ngưỡng dân gian nên quá trình bản địa hóa tôn giáo ở cộng đồng người Chăm Bà La Môn diễn ra mãnh liệt nhất trong ba cộng

đồng Chăm : Linga ² vốn là vật biểu trưng cho thần Civa nhưng lại ít khi “chịu” đứng một mình mà thường đi chung với yoni ³ trong một chỉnh thể phần thực phổ biến ở nhiều dân tộc chịu ảnh hưởng của nền Văn Hóa Nam Á. Tục chặt đầu khi thiêu và tục nhập kút ⁴ trong tang lễ của người Chăm Bà La Môn chắc chắn là một tác nhân nội sinh vì ở Bà La Môn giáo Ấn Độ tuy có thiêu xác nhưng không có kút mà cũng không chặt đầu tách lấy 9 miếng xương trán đang khi thiêu như ở người Chăm Bà La Môn. Trong lễ tang Bà La Môn Chăm còn có nghi thức làm phép mở đường xuống âm phủ để ngăn ngừa vong hồn người chết về quấy phá, có nhận gởi kèm lễ vật nhờ người chết mang qua thế giới bên kia cho người thân.

Hồi giáo được lan truyền vào xã hội người Chăm là hai đợt : đợt đầu truyền đến Chăm pa vào khoảng thế kỷ X và đợt thứ nhì du nhập vào cộng đồng người Chăm Châu Đốc (lúc bấy giờ đang lưu tá ở Kampuchea) trong những thế kỷ gần đây. Trong đợt du nhập lần đầu, Hồi giáo đã chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian Chăm và đạo Bà La Môn Chăm hóa đã truyền vào trước đó để hình thành đạo Bà Ni. Những ảnh hưởng đó được tìm thấy qua sự xuất hiện tầng lớp tu sĩ Bà Ni ⁵ và các thầy Char ⁶ trong các nghi lễ nông nghiệp cộng đồng như Yôn Yang, Plao Psah.....các thầy Char luôn có mặt trong phần đầu nghi lễ, phần tiếp theo do các thầy lễ dân gian như Ôn Duôn, Ôn Kahdar và Mul Pajâu thực hiện.

Yếu tố mẫu hệ của văn hóa Chăm đã “nội sinh hóa” Hồi giáo qua sự bảo toàn tục giữ Chiết Atâu ⁷ ở người Chăm Bà Bi. Thậm chí, nội lực của văn hóa Chăm còn dung hóa cả giáo luật Hồi giáo qua sự hình thành Lễ Cát Tộc (Karoh) cho các cô gái

Chăm Bà Ni tới tuổi dậy thì vì Karoh là một nghi lễ không thấy có trong Hồi giáo chính thống tại Arabe⁸. Tác động của yếu tố nội sinh tín ngưỡng dân gian Chăm ở đạo Bà Ni đã dẫn đến sự xuất hiện Lễ Raw Thang (rửa nhà : tẩy ứ nhà cửa), tập tục thờ cúng tổ tiên qua nghi thức naw ghur⁹ (tảo mộ) và ngăh mukey (cúng ông bà) được tiến hành trong khoảng thời gian 25 – 29.08 Hồi lịch là những ngày chuẩn bị bước vào mùa Ramưwan. Trong lễ tang của người Chăm bà Ni cũng có nghi thức làm phép mở đường xuống âm phủ để ngăn ngừa vong hồn người chết trở về quấy phá, cũng nhân gởi kèm lễ vật nhờ người chết mang qua thế giới bên kia cho người thân. Các nghi lễ nông nghiệp cộng đồng, tín ngưỡng đa thần, tục thờ Po Nagar.....ở cộng đồng người Chăm Bà Ni vẫn được lưu giữ khá đầy đủ cho đến ngày nay.

Trái ngược với quá trình “nội sinh hóa” các yếu tố văn hoá ngoại lai là tôn giáo trong đợt đầu du nhập Hồi giáo, ở đợt du nhập thứ hai, tín ngưỡng - văn hóa Chăm truyền thống Chăm đã phải chùn bước trước giáo luật Hồi giáo chính thống để chỉ còn lại một vài dấu vết mờ nhạt của tục cư trú bên vợ sau hôn nhân và chút ít hình thức ma thuật. Ở cộng đồng người Chăm Islam Nam Bộ, chế độ mẫu hệ đã nhường bước cho chế độ phụ hệ : một phần do sản xuất nông nghiệp không còn giữ vai trò quyết định trong đời sống, phần khác do quy định của giáo luật Hồi giáo như người vợ phải phục tùng chồng một cách tuyệt đối – điều mà trong kinh Coran đã chỉ rõ. Tục thờ cúng tổ tiên chỉ còn tồn tại qua những buổi cầu kinh cho người quá cố và tục viếng nghĩa trang trong những ngày chuẩn bị bước vào tháng Ramadan (tháng 9 Hồi lịch). Tục sùng bái các vị anh hùng dân tộc cũng không còn, tín ngưỡng đa

thần, các lễ nghi nông nghiệp cùng nhiều hình thức tín ngưỡng khác đã tự tiêu vong trước tác động của giáo luật Islam.

Các nhân tố nội sinh tham gia vào quá trình bản địa tôn giáo còn phải kể đến các phong tục - tập quán, kiến trúc, nghệ thuật diễn xướng dân gian.....Trong mỗi dịp tết Katê¹⁰ hàng năm của người Chăm Bà La Môn tại Ninh Thuận, thầy Cả Sư (Po Gru) và các thầy bà Xế (Paseh) đều thực hiện nghi thức rảy nước trong khi làm “lễ mở cửa tháp” và sau đó là nghi thức tắm tượng vốn là những tập tục bản địa có nguồn gốc từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước liên quan đến thuật cầu đảo (cầu mưa). Các tháp Chăm – nơi tế tự các thần linh của người Chăm mang phong cách đặc trưng của đạo Bà La Môn Chăm về phương diện chất liệu cũng như về cấu trúc, tạo hình. Trong đoàn rước y lên tháp vào dịp Katê, ngoài cá thầy tế lễ ra, còn có các cô gái Chăm xinh đẹp với những điệu múa uyển chuyển chào đón các thần linh trước khi các thầy lễ tiến hành “lễ mở cửa tháp”.

Tín ngưỡng dân gian là tác nhân văn hóa nội sinh tiêu biểu nhất trong tiến trình bản địa hóa các tôn giáo (văn hóa ngoại sinh) truyền vào Champa : Bà La Môn giáo Ấn Độ được “Chăm hóa” thành đạo “Bà Chăm”, Hồi giáo dung hợp với tín ngưỡng dân gian thành đạo Bà Ni. Quy luật trên cho thấy văn hoá ngoại sinh được tiếp nhận và bản địa hóa trên nền tảng nội lực văn hoá truyền thống, làm cho văn hóa truyền thống càng thêm phong phú và đa dạng. Bản địa hóa chính là tiếp nhận nhân tố văn hóa mới có chọn lọc và chuyển hóa nó cho phù hợp với nền văn hó atruyền thống của dân tộc. Bởi vì tiếp xúc tôn giáo chính là tiếp xúc giữa văn hóa nội sinh và văn hoá ngoại sinh, là tiếp xúc giữa hai nền văn minh.

ADAPTING RELIGION USING THE STRONG CHAM FOLK RELIGION AS A MODEL
Nguyen Duc Toan

ABSTRACT : Folk religion was the most important cultural agent in the process of intergrating other religions into the kingdom of Champa. The Ba Hai religion of India became Ba Cham, Ba Ni is a combination of the Moslem religion and folk religions. This process resulted in the alien culture being received and adapted to the strong local traditional culture.

CHÚ THÍCH :

1. Mukhlinga là linga có chạm nổi hình mặt người
2. Sinh thực khí nam
3. Sinh thực khí nữ.
4. Kút là nghĩa trang của người Chăm Bà La Môn tính theo dòng họ mẹ, nơi lưu giữ chín miếng xương trán của cá thành viên trong dòng tộc được tách ra khỏi hộp sọ trong khi đang thiêu
5. Hồi giáo chính thống không có tầng lớp tu sĩ
6. Thầy Char là từ gọi chung các tu sĩ Bà Ni nhưng đồng thời cũng là từ dùng để chỉ thứ bậc thấp nhất trong hệ thống chức sắc của đạo Bà Ni : Char, Tinh, Tip, Mưm và Gru (Thầy Cả).
7. Chiết Atâu là một chiếc xiềng đan bằng tre, hình dạng hơi giống chiếc gùi, trong đựng áo lễ cùng với một số vật dụng của ông bà tổ tiên. "Lễ Xuống Chiết" (Tôn Chiết) được tiến hành trong các dịp lễ rija dòng tộc, một khi mở chiết phải có lễ vật để cúng các thần linh. Chiết Atâu có ý nghĩa tương tự như bàn thờ gia tiên ở người Việt. Mỗi dòng họ có một Chiết Atâu giao cho muk rija dòng tộc cất giữ tại nhà của muk rija dòng tộc đó. Ở những dòng họ lớn, Chiết Atâu được tách thành nhiều chiết proh giao cho các muk proh Chăm của từng chi tộc giữ.
8. Theo tục lệ Hồi giáo, nam đến tuổi trưởng thành (15 tuổi) phải làm lễ cắt da quy đầu (gọi là lễ Katat). Riêng ở đạo Bà Ni có thêm tục cắt tóc (Karơh) với ý nghĩa xác nhận người con gái Bà Ni đã đủ điều kiện lấy chồng theo luật định. Karơh được tổ chức trọng thể hơn Katat.
9. Ghư là nghĩa trang theo dòng mẹ của người Chăm Bà Ni.
Tết Katê nhằm ngày 01.07 lịch Chăm (vào khoảng tháng 09, 10 dương lịch).